

Số: 68/2023/QĐST – DS

Giá Rai, ngày 25 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 304/2023/TLST – DS ngày 08 tháng 11 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

+ Địa chỉ: **Số B N** khởi nghĩa, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà **D**: Ông **Nguyễn Hữu P** – Chức vụ: Phó phòng phụ trách phòng giao dịch.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông **P**: Ông **Hà Hán M** – Phó phòng giao dịch **G**.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1986

+ Địa chỉ: **Khóm B**, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hợp đồng ký kết:

+ Hợp đồng tín dụng số 247-01064 ngày 14/12/2022

+ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/10/2022 kèm hợp đồng với **Ngân hàng TMCP S**.

- Số tiền nợ vay các bên thống nhất:

+ Hồ sơ thứ nhất: Tính đến ngày 10/7/2023, bà **Nguyễn Hồng N** thừa nhận còn nợ **Ngân hàng TMCP S** số tiền là 81.170.094đ. Cụ thể: Nợ gốc: 66.812.000đ, lãi trong hạn 8.800.800đ, lãi phạt quá hạn 5.557.294đ

+ Hồ sơ thứ hai: Tính đến ngày 25/7/2023, bà **Nguyễn Hồng N** thừa nhận còn nợ **Ngân hàng TMCP S** số tiền tổng cộng là 19.813.657đ. Cụ thể: Nợ gốc 18.775.017đ, lãi 1.038.640đ.

- Tổng hai khoản nợ bà **Nguyễn Hồng N** thừa nhận còn nợ **Ngân hàng TMCP S** là 100.983.751đ.

- Buộc bà **Nguyễn Hồng N** trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền nợ tính đến ngày 10/7/2023 tổng cộng là 100.983.751đ (Cụ thể: Khoản nợ 1: Nợ gốc 66.812.000đ, lãi trong hạn 8.800.800đ, lãi phạt quá hạn 5.557.294đ; khoản nợ 2 nợ gốc 18.775.017đ, lãi 1.038.640đ)

- Thời hạn tính lãi tiếp theo (ngày 16/12/2023) chị **Nguyễn Hồng N**, còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị **N** vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về hình thức trả: Các bên yêu cầu ấn định trả trong giai đoạn thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành là 2.520.332 đồng, bà **Nguyễn Hồng N** tự nguyện nộp, buộc bà **Nguyễn Hồng N** nộp 2.520.332 đồng nộp tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai. Số tiền dự nộp 2.525.000đ lai thu số 0008189 ngày 08/11/2023 của **Ngân hàng TMCP S (S1)** tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai sẽ hoàn lại đủ.

3. Trong trường hợp thỏa thuận này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- THA thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phai

